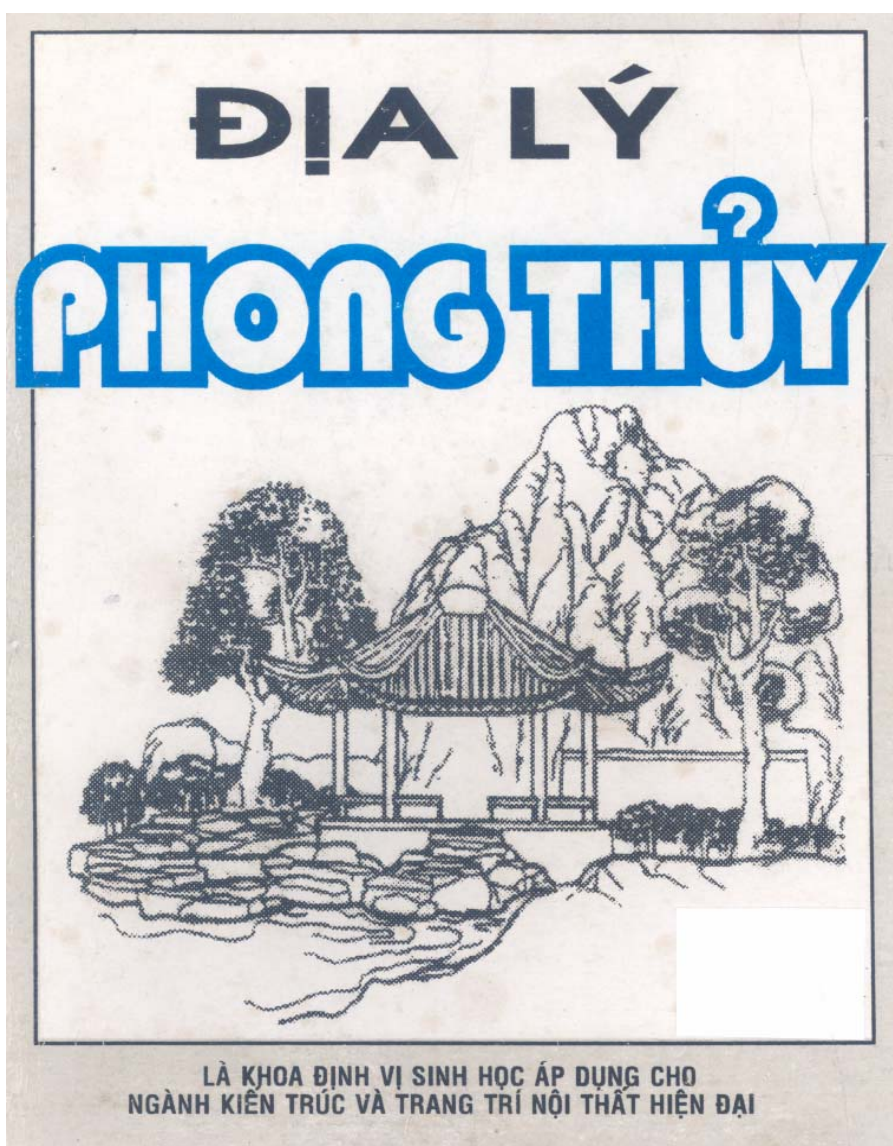


TRẦN VĂN HẢI
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 9. THỰC HÀNH THUẬT PHONG
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ
MẠNG TÓN**



TRẦN VĂN HẢI

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT
PHONG THỦY
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG
TỔN**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

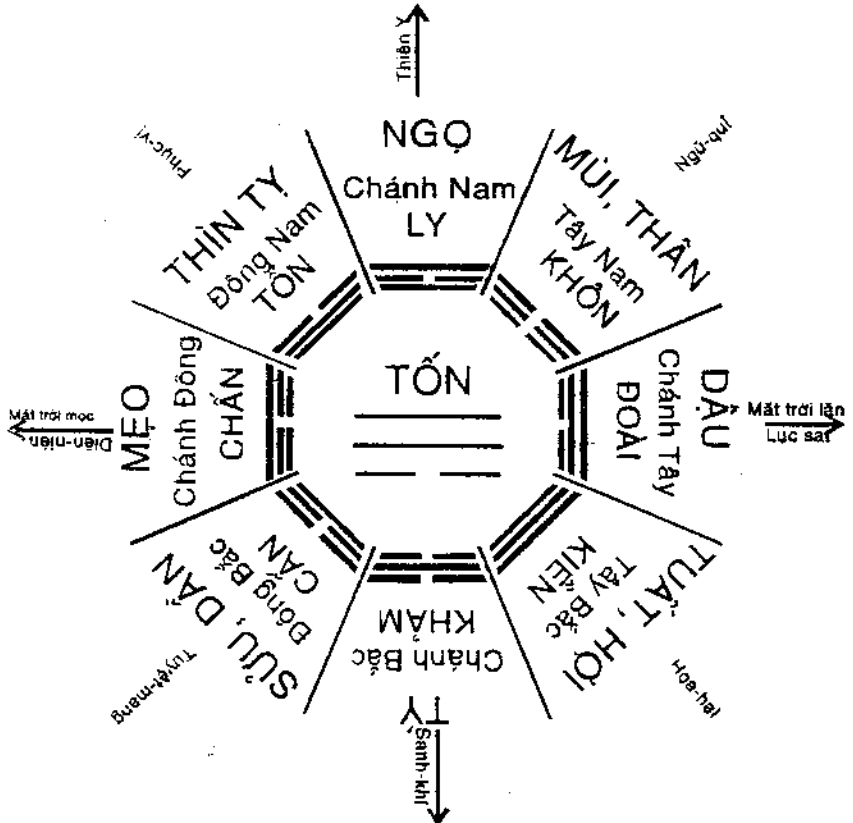
1992



TÔN VI PHONG
GIÓ

**CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT
TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG**

TỐN





Chú ý : Ô 1 - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .
 Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ô 2.
 Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu
 đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG TỒN

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG TỒN

Những điều nói trong "Tượng Loai Vạn Vật" là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc nói: khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ: đoán về ăn uống được quẻ "tụng" (䷔) quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về Tượng Loai Vạn Vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- 1/ Giắc thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm: Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của Ngũ Kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của Ngũ Kim là: "Ngũ Kim" là chỉ "Kim" trong Ngũ Hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm Kim: Canh, Tân, Thân, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như thế).

Chuyên Đề Mạng Tốn

2/ Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiển vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng 9 là Kim, là chính ngôi của quẻ Kiển. Ngôi hàng, 1,4,9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. ác quẻ khác cách nói cũng như thế.

3/ Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư, hoặc số là 1, hoặc 4 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy vào sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

4/ Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân: Quẻ Khôn Ngũ Hành thuộc thổ, gặp tháng thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu, Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ Mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc sắp xếp theo mẫu tự.

ĂN UỐNG

(Ăn Uống): thịt gà, hương vị núi rừng, vị chua của hoa quả.

BÁT MÔN TIỂU Độn

Bát môn là tám cung, tám cửa: Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiển, Hưu. Sanh, Thương, Ốc, Kiển. Tử, Kinh, Khai. Đối với cung Tốn thuộc đồ môn số thuộc 9 ngày: Quý Dậu, Giáp Tuất, Ất Hợi, Tân Dậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi, Đinh dậu, Mậu Tuất, Kỷ

Hại, không nên xuất hành, xấu lắm.

BỆNH TẬT

(Bệnh tật): bệnh dùi, cánh tay, bệnh phong, bệnh đường ruột, trúng phong, bệnh về tắc khí.

BÓI KIỂU

Trong phạm vi bói Kiểu quẻ Tồn ứng về tranh tụng, kiện tụng được hay thua.

CẦU DANH

(Cầu danh): có danh ; hợp với thể lực chức văn hoặc có phong hiển ; dễ làm người có phong hiển ; hợp với chức thuế hàng tre, gỗ, trà, hoa quả ; hợp với nhậm chức phía Đông Nam

CẦU TÀI

(Cầu Tài): buôn bán phát đạt, lợi về miền núi ; lợi về hàng tre gỗ, mùa thu không lợi.

CHỮ SỐ

(Chữ số) năm ba tám.

CHỮ TÊN HỌ

(Chữ tên họ): tên họ có chữ thảo mộc bên cạnh, ngôi hàng: năm, ba, tám.

ĐỊA LÝ

(Địa lý): Đất ở phương Đông Nam ; chỗ cỏ cây rậm rạp, vườn rau hoa quả

ĐỘNG VẬT

(Động vật) gà, các loại cầm (thú), cầm (thú) trong rừng, sâu bọ, rắn.

GIAO DỊCH

(Giao dịch): có thể thành công ; tiến thoái bất nhất ; lợi về giao dịch ; giao dịch việc rừng núi ; lợi về hàng trà, gỗ, núi rừng.

HỘI KIẾN

(Hội kiến): có thể gặp ; dễ gặp người miền núi ; dễ gặp văn nhân tú sĩ.

HÔN NHÂN

(Hôn nhân): có thể thành ; hợp kết hôn với con gái đầu mùa thu không lợi.

KIỆN TỤNG

(Kiện tụng): dễ hòa ; sợ gặp phải cái nợ phong kiến.

MƯU SỰ

(Mưu sự): có thể mưu vương ; có tiên có thể thành công ; mùa thu nhiều mưu kế nhưng không thuận lắm.

NGŨ SẮC

(Ngũ sắc): xanh lục ; màu Bích trắng trong.

NGŨ VỊ

(Ngũ vị): vị chua.

NHÀ CỬA

(Nhà cửa): hướng Đông Nam ; lâu đài gác (chuông) trong chùa ; ở trong rừng sâu.

NHÀ Ở

(Nhà Ở): yên ổn, lợi ở chợ, mùa xuân tốt, mùa thu không yên ổn.

NHÂN VẬT

(Nhân vật): trưởng nữ, tú sĩ, người quả phụ, người tiên đạo ở trong rừng, tăng đạo

PHẦN MỘ

(Phần mộ): để là hướng Đông, huyết ở rừng núi, nhiều cây gỗ, mùa thu không lợi.

PHƯƠNG HƯỚNG

(Phương Hướng): Đông Nam.

SINH ĐẼ

(Sinh đẻ): dễ sinh, sinh lần đầu sẽ là con gái, vào mùa thu sẽ có hại cho thai, hợp với ngôi hướng Đông Nam.

TÍNH CÁCH

(Tính cách): nhu hòa, bất định, cổ vũ, buôn bán rất sinh lợi, tiến thoái không quả quyết.

TÍNH VẬT

(Tính vật): Mộc hương, dây, vật thẳng, vật dài, tre gỗ,

Chuyên Đề Mạng Tồn

đo thủ công khéo léo, thổi, lông gà, bướm, quạt, cối.

THÂN THỂ

(Thân thể): cánh tay, đùi, khí, phong tật.

THIÊN THỜI

(Thiên thời): Gió.

THỜI GIAN

(Thời gian): giao thời giữa xuân và hạ, ngày tháng, hai, năm, tám, tháng ba, giờ, ngày, tháng, Thìn, Ty tháng tư.

XUẤT HÀNH

(Xuất hành): có thể đi, có được có mất, hợp đi hướng Đông Nam, mùa thu không lợi.

VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG TỐN

VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG TỐN

Bát Quái của kinh Chu Dịch nếu đem so sánh với hành tinh trong Thái Dương hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như:

- KIỆN tương đương với KIM TINH (Vénus) thuộc hành KIM
- KHẨM tương đương với THỦY TINH (Mercure) thuộc hành THỦY
- CẤN tương đương với THỔ TINH (Saturne) thuộc hành THỔ
- CHẤN tương đương với MỘC TINH (Jupiter) thuộc hành MỘC
- TỐN tương đương với HẢI VƯƠNG TINH (Neptune) thuộc hành MỘC
- LY tương đương với HỎA TINH (Mars) thuộc hành HỎA
- KHÔN tương đương với DIỆM VƯƠNG TINH (Pluton) thuộc hành THỔ
- ĐOÀI tương đương với THIÊN VƯƠNG TINH (Uranus) thuộc hành KIM

Chuyên Đề Mạng Tốn

Theo tài liệu của KYSERLING NE'KIPHORE và TÀO TUYẾT LONG để biết.

Công Danh	Bản Tánh	và	Nhân Cách
Tình Duyên	Năng Khiếu		Tài Lộc
Thân Thế	Sự Nghiệp		Thọ Yếu
Cuộc Đời	Giàu Sang		Nghèo Hèn

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng Tốn.

CHỦ NHÀ MẠNG TỐN

Tương đương với Hải Vương Tinh (neptune) thuộc hành Mộc.

BẢN CHẤT

Tánh hay lỏng bong nhưng rất dễ cảm và biết tùy theo trường hợp, hay công việc làm của những người chung quanh, không muốn làm rách lòng ai, dù người đó có tâm thù ghét muốn hại, vẫn không buồn mà còn cảm thông được nỗi lòng của họ nữa. Tánh hay chiều chuộng và biết tôn trọng kẻ lớn người nhỏ. Không thích có sự lộn xộn quanh mình. Có nhiều ý tưởng cao đẹp và lòng nhân ái, nên thường bị chi phối bởi những việc trước mắt hơn là lý-trí và tình cảm.

SỞ THÍCH

Thích nhiều người thương hơn là ghét có tánh độ lượng có một tình yêu mến bao la, rất thích được người ta hiểu thâm ý, thích khuếch trương nghề nghiệp của mình, nhanh

chóng và khéo léo, không muốn có kẻ đi lùi, trước công việc muốn làm gương mẫu trước, không muốn kẻ thọc gậy bánh xe. Rất yêu mến gia đình thích đi xa. Tim cảnh vật thiên nhiên, và rất thích loại hoa đẹp.

TÌNH DUYÊN

Về sự việc này có nhiều kết quả tốt đẹp, xem tình duyên là một việc thiên liêng, nên không bao giờ xa rời nếu có được tình yêu, đối với hôn nhân, hạnh phúc lại càng quan trọng hơn, cho nên bao giờ cũng kính nể và tự trọng. Coi tình yêu là một điều cần thiết trong cuộc sống và cũng xem đó như điều cần thiết cho cuộc đời, cho nên họ rất cần yêu và bao giờ cũng muốn được yêu và xây dựng hạnh phúc mau lẹ.

CÔNG DANH

Vấn-đề này cũng thăng trầm lắm. Có khi lên rất cao và có khi xuống quá thấp, nhưng vấn đề này thường hợp với những vấn đề chuyên môn, hơn là những việc có tánh cách xã hội hay cá nhân. Có thể trở thành bác sĩ, Y-tá, kỹ sư hay những người có tên tuổi hoặc những chính trị gia lỗi lạc, nhờ tài-năng và sáng kiến có thừa. Nên cố tìm tòi học hỏi ở những bậc cao siêu lấy nhân cách làm căn bản cho bước đường công danh sự nghiệp trong tương lai

SỰ NGHIỆP

Sự nghiệp vững chắc vì cuộc đời còn quá nhiều sóng gió thường bị đổ vỡ lúc đầu, sau thành công nhưng sự hoàn toàn sự nghiệp hẳn nhiên là khó khăn lắm, cho đến khi nào

công việc, công danh lên rồi, thì sự nghiệp mới có hy vọng vững chắc được.

CUỘC ĐỜI

Cuộc đời lúc nhỏ rất nhiều sóng gió nhiều đau thương cũng lắm sầu khổ cũng nhiều, tất cả lúc ấy dường như là không còn thiết nghĩ đến gì nữa, cuộc đời nhiều lúc quá chán nản, và lâm vào tình trạng nan giải và khó nghĩ, bởi vậy càng đau thương bao nhiêu, thì cuộc đời càng chán nản bấy nhiêu.

Song thời gian vẫn trôi, con người vẫn sống trong sự buồn khổ triền miên, có lúc như đơn côi và giá lạnh, nhưng rồi sau đó, nhờ ở lòng kiên nhẫn và chí cương quyết đã hoàn thành danh phận, nên cuộc đời bắt đầu từ đó mới được an nhàn, cuộc đời trở lại mến yêu và yêu mến cuộc đời hơn.

THỌ YẾU

Số này hưởng thọ rất cao, có thể hưởng được số trường thọ cho đến khi quá tuổi lục tuần.

Ý THƠ BỔ SUNG

Cung Tốn, thuộc hướng Đông Nam,
Chánh Bắc sanh khí, thuận hòa bình an.

Số này tuổi nhỏ gian nan,

Nhiều lần tai ách nhờ trời lại an.

Tánh nóng dạ sáng khôn ngoan,

Chiêm bao cũng trúng, nghi ngờ cũng y.

Thiếu niên lắm lúc gian nguy,

Tơ duyên trắc trở, e khi đổi dời.

Trở về tuổi lớn gặp thời,

Làm ăn thịnh vượng, môn đình an khương.

Cung này cũng được thọ trường;

Số trên bảy chục (70) hồn về tây phương.

Bốn người con cháu khóc thương,

Có nhạc trống phách, hương lán ngậm ngùi.

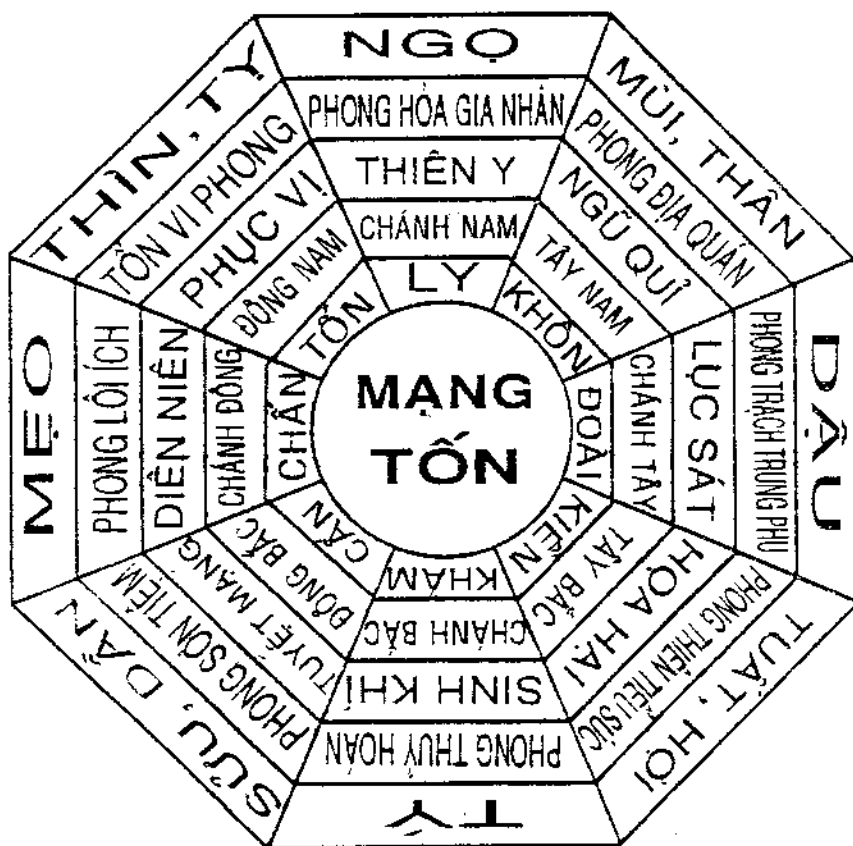
Hòa thượng dẫn lộ độ vong,

Theo sách sổ chép chết vào mùa Đông.

Tuổi Thìn và tuổi Ty làm nhà trở cửa cái về hướng Đông.

BÁT QUÁI ĐỒ

CỦA CHỦ NHÀ MẠNG TỒN



PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ CỦA NGƯỜI MẠNG TỒN

CHỦ MẠNG TỒN CHỌN HƯỚNG TỒN (Đông Nam)

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Phục Vị là quẻ Tồn Vi Phong trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà sẽ lợi về cửa cái, tiền bạc, nhiều con, thứ cát.

CHỦ MẠNG TỒN CHỌN HƯỚNG LY (Chánh Nam)

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên Y là quẻ Phong Hỏa Gia Nhân trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là thượng cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Thiên Y thuộc sao Cự môn, Dương Thổ, còn cung Ly thuộc Âm Hỏa, có hại cho con gái thứ.

CHỦ MẠNG TỒN CHỌN HƯỚNG KHÔN (Tây Nam)

ĐỂ QUÁ HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Phong địa Quán trong kinh Chu Dịch. Gia đình ly tán, mỗi người tự

Chuyên Đề Mạng Tốn

đi tìm sinh kế lưu lạc khắp nơi đại Hung.

CHỦ MẠNG TỐN CHỌN HƯỚNG ĐOÀI (Chánh Tây)

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Lục Sát là quẻ Phong Trạch, Trung phu trong kinh Chu dịch. Gia đình tiền tài sa sút mang nhiều lời ăn tiếng nói, Thử hung.

CHỦ MẠNG TỐN CHỌN HƯỚNG KIỀN (Tây Bắc)

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ Phong Thiên Tiểu Súc trong kinh Chu Dịch. Gia đình bị nhiều hao tán, Thử Hung.

CHỦ NHÀ MẠNG TỐN CHỌN HƯỚNG KHÂM (Chánh Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung sinh khí là quẻ Phong Thủy Hoán trong kinh Chu Dịch. Gia đình đại phát tài, tăng phú quý, Thượng Cát.

CHỦ MẠNG TỐN CHỌN HƯỚNG CẤN (Đông Bắc)

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mạng là quẻ Phong Sơn Tiệm trong kinh Chu Dịch. Gia đình mất người, mất cửa, Đại Hung.

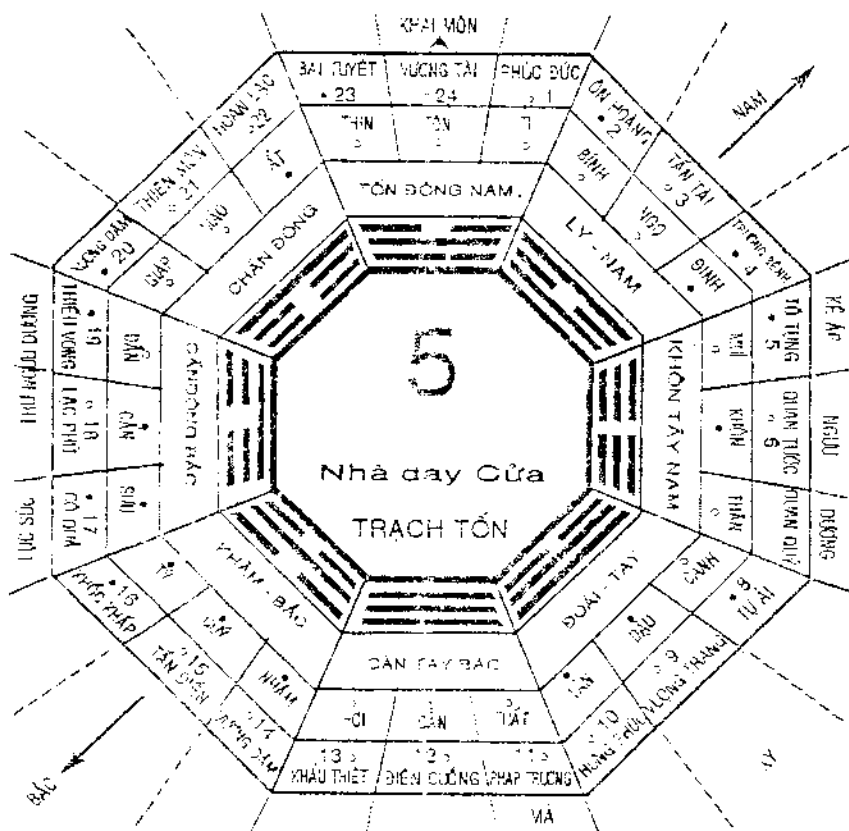
CHỦ MẠNG TỒN CHỌN HƯỚNG CHẤN
(Chánh Đông)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quê Phong Lôĩ Ích trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà giàu sang, thứ cát nhưng cũng lại kỵ vì Diên Niên thuộc sao Vũ Khúc Dương Kim, cung Chấn thuộc Mộc Kim (Kim khắc Mộc có hại cho con trai lớn).

LƯU Ý:

Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, cánh hướng về các hướng đại kỵ, thứ kỵ đã kể trên hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi hay xoay lại bếp lò, nhà tiêu để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến sẽ xảy ra trong một thời gian sớm muộn.

Chuyên Đề mang Tốn



chọn phương hướng trổ của CỦA CHỦ NHÀ MẠNG TỐN

Tốn sơn. Kiên hướng, Ty sơn, Hợi hướng, Thìn sơn, Tuất hướng. Trạch này lợi ở năm, tháng Hợi, Tý, Sửu Dần, Mão, nhập mộ ở Mùi, trung ứng vào trường nữ. Phối với Chấn là Diên Niên, Khảm là Sinh Khí, Ly là Thiên Y, đều là cát lợi. Mở cửa ở Đông phương là Giáp, Mão, Ất. Mở cửa ở phương Bắc là nhâm, Tý, Quý, cầu được cát lợi. Không nên mở cửa chính thẳng Tốn môn. Nếu mở Kiên là họa hại, ở Khôn là Ngũ Quỷ, ở Cấn là tuyệt mạng, ở Đoài là Lục Sát đều là bất cát! Đến sự phối hợp tử, Bạch thì Tốn là Tử lục Mộc Tinh, hợp được tam bích Mộc đáo bốn cung là tọa vượng. Nhị hắc hổ tại Chấn, tuy khí chưa có được thuận, cũng hợp tài, quan, cho nên là Diên Niên phương, có thể mở cửa ở đó được. Ngũ hoàng ở Kiên, nhất bạch là bất lợi! Lục bạch đáo hoài cũng là sát khí! Thất xích ở Cấn với Đoài tương hợp đồng. Bát bạch tại Y, tuy là phương tử khí mà không sát. Cửu tử tại Khảm có thể khai giếng nước được.

CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ

QUAN HỆ VỚI

CHỦ NHÀ MẠNG TỒN

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu; Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn chủ, bếp và hướng bếp.

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đại để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi trúng vào chốn may mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tối tăm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các du niên cho chủ nhà, cho sơn chủ và cho bếp. Vì vậy nên hệ chủ nhà, sơn chủ và bếp thừa du niên tốt tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra các con tốt, bằng thừa du niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ nhà hay sơn chủ đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chủ. Nếu nó được ở nhằm cung tốt và thừa Du Niên tốt hay Sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa Du Niên xấu hay Sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người, nếu được an trí nơi cung tốt và thừa Du Niên tốt thì sự sinh dưỡng mới được lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại cung xấu và thừa Du Niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

Tóm lại: Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và 3 cung đều thừa cát Du Niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trúng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung du niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và cửa bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà. Phần này được nói gọn lại là cửa cái, chủ nhà và bếp. Cửa là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ là nói chủ nhà ở tỉnh trạch, là nói sơn chủ ở Đông Trạch và biến hóa trạch. Bếp, là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới hướng mở cửa của cái bếp.

1) CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỒN (ĐÔNG NAM) PHỤC VÌ

(Cửa cái tại Tồn (Đông Nam), chủ nhà hay sơn chủ cũng tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhi nữ gian nan thị trùng Phong.

Chuyên Đề Mạng Tồn

Ý nghĩa: Phụ nữ khổ khổ chính vì Gió gặp Gió. Phong là giáo chỉ vào Tồn (Tồn vì phong). Cửa Tồn (Đông Nam) gặp chủ cũng Tồn tức là 2 Tồn cho nên nói là trùng Phong.

- Theo phép Bát biến, từ cửa Tồn (Đông Nam) biến 8 lần tới chủ Tồn tất được Phục Vị cho nên gọi là Phục Vị trạch. Phục Vị Mộc lâm Tồn là Mộc tinh đẳng diện, sơ niên ất được phát tài. Nhưng vì Tồn Tồn thuần âm, phụ nữ nắm quyền gia sản. Lại vì thuần âm thì âm thịnh mà dương suy, nam nhân đoán thọ, phụ nữ nhiều hơn nam nhân, đến lâu sau phải tuyệt tự, nuôi nghĩa tử để giữ gìn sản nghiệp.

Cửa Tồn (Đông Nam) và chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): dương Kim là Tây trù, khắc cá cửa Tồn (Đông Nam) chủ Tồn, biến sinh 2 Hòa hại, phụ nữ chết vì sanh đẻ, đoán thọ hay bị bệnh.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Dương Thủy là Đông trù, sanh cửa Tồn (Đông Nam) chủ Tồn, là bếp Sinh khí đắc vị lại hổ biến cũng được Sinh Khí hữu khí, là một hương bếp thượng thượng cát, năm phước gom về, vinh hoa thông đạt nhứt thể.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): dương Thổ là Tây trù, đối với hai Tồn toàn là Tuyệt Mạng, tương khắc, là cái bếp tuyệt tự và tán tài.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): dương Mộc là Đông trù, đối với cửa Tồn (Đông Nam) hay chủ Tồn gọi là lưỡng Mộc thành lâm (hai Mộc thành rừng) và biến sinh toàn là Diên Niên, khiến cho phát lớn, giàu có cũng sang trọng.
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): âm Mộc là Đông trù, hiệp

Chuyên Đề Mang Tốn

với cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Tốn là 3 Tốn tý hòa: tiền bạc thì có mà nhân đinh thì không. Tốn Tốn Tốn là ba âm ở chung, âm thịnh tất dương suy, nam nhân đoán thọ.

- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm Hỏa là Đông trù, đối với 2 Tốn âm Mộc đều gọi là Mộc Hỏa thông minh cách và biến sinh hai Thiên Y là phúc thần vào nhà, phụ nữ hiền lương, thông minh tuần tú. Nhưng Ly Tốn Tốn thuận âm: thiếu con thừa tự.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm Thổ là Tây trù, đối với Tốn Tốn tương khắc và là hai Ngũ Quỷ rất hung hại.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): âm Kim là Tây trù, đối với Tốn Tốn tương khắc và là hai Lục Sát, lại ba cung thuận âm rất bất lợi cho phụ nữ, số người không thêm.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Tốn, Phục vị trạch. Cửa Tốn (Đông Nam) chủ Tốn là Đông tứ trạch, cho nên Đông trù là các bếp Khảm Ly Chấn Tốn thuộc cát tảo, còn Tây trù là các bếp Kiền Khôn Chấn Đoài thuộc hung tảo.

2) CHỦ NHÀ MẠNG TỐN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) THIÊN Y

(Cửa cái tại Ly (Chánh Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Tốn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa phong dinh hy, gia hảo thiện.

Ý nghĩa: Lửa gió: nhân đinh ít ỏi, nhà ưa làm lành. Hỏa là lửa chỉ vào Ly, Phong là gió chỉ vào Tốn. Đinh tức nhân đinh,

Chuyên Đề Mạng Tốn

nhân khẩu, số người ở trong nhà. Hy là ít oi, thừa thớt. Nhà có cửa Ly (Chánh Nam) và chủ Tốn thì có số người chẳng thêm (vì thuần âm) và người trong nhà hay làm việc phước đức (vì nhà Thiên y).

- Từ cửa Ly (Chánh Nam) biến 6 lần tới chủ Tốn được Thiên Y cho nên gọi là Thiên y trạch. Nhà Thiên Y: phú quý song toàn, nam nữ đều nhân từ và lễ nghĩa, phụ nữ nắm quyền nhà. Sơ niên đại phát, nhưng về sau lâu hiềm hoi con cái, nghĩa tử chường quán gia đình.

Cửa Ly (Chánh Nam) với chủ Tốn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Kim là Tây trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) là Tuyết Mạng, đối với chủ Tốn là Họa hại, làm cho nam nữ yếu thọ, người người trong nhà chẳng an.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Thủy là Đông trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) là bếp Diên Niên đối với chủ Tốn là Sinh khí. Diên Niên và Sinh Khí hiệp với Thiên Y Trạch thành nhà ba tốt, đại phát phú quý. Bếp Khảm (chánh Bắc) thượng cát (tốt trên hết).
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Thổ là Tây trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) là Họa hại, đối với chủ Tốn là Tuyết Mạng, rất bất lợi cho hàng trẻ nhỏ, và vì hai âm thắng một dương cho nên phụ nữ chuyên quyền.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Mộc đối với cửa Ly (Chánh Nam) Hỏa là được cách Mộc Hỏa thông minh, đối với chủ Tốn cũng Mộc là được cách Lưỡng Mộc thành lâm, đã phú lại quý. Hơn nữa Chấn đối với Ly Tốn biến

sinh Sinh khí và Diên Niên hiệp với Thiên Y Trạch thành nhà ba tốt, đại cát.

- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): âm Mộc đối với cửa Ly (Chánh Nam) là bếp Thiên y, đối với chủ Tồn là tỵ hòa Phục Vị hữu khí, lúc đầu phát đạt lớn nhưng về sau lâu bất lợi do Ly Tồn Tồn thuận âm.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm Hỏa là Đông trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) tỵ hòa và là bếp Phục Vị đắc vị, đối với chủ Tồn tương sinh và hỗ biến được Thiên Y, lúc đầu phát đạt nhưng về sau thiếu con thừa tự vì Ly Tồn Ly thuận âm (như bếp Tồn) (Đông Nam).
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm thuộc là Tây trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) là bếp Lục sát, đối với chủ Tồn phạm Ngũ Quý, người người chẳng yên lành, gia đạo chẳng hòa, phụ nữ gây rối loạn.
- 9) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): âm Kim là Tây trù, đối với cửa Ly (Chánh Nam) là bếp Ngũ quý, đối với chủ Tồn là Lục sát. Bếp này đại hung, Nam nữ đều yếu thọ, nhân đình khiếm khuyết, góa bụa.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Tồn Thiên Y trạch, Đông tứ Trạch vì cửa Ly (chánh Nam) và chủ Tồn đều thuộc Đông Tứ Trạch. Vậy Đông trù thêm lợi cho nhà, nhưng Tây trù làm bất lợi.

3) CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) NGŨ QUÝ

(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân mai Địa hộ, lão mẫu tử.

Ý nghĩa: Người chôn cửa Đất, mẹ già chết. Khôn với Tồn thuận âm tác Ngũ quý tượng cho người thành quý (chết) trong cõi âm, vì vậy nói là người bị chôn. Khôn âm Thổ thuộc lão mẫu bị Tồn Mộc khắc hại, nên nói là mẹ già chết. Nhân là người ám chỉ vào Khôn. Địa hộ là cửa đất ám chỉ vào Tồn (Kiến vì Thiên môn, Tồn vì địa hộ).

- Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến 2 lần tới chủ Tồn sanh Ngũ quý cho nên gọi là Ngũ quý trạch, ngôi nhà đầy đầy yêu khí và những điều lành lỏi. Khôn bị Tồn khắc cho nên sự tai hại qui về mẹ già vong mạng. Lại luận rằng Khôn với Tồn tương khắc và thuận âm lẫn áp dương: nam nhơn đoán thọ mà phụ nữ cũng bất lợi. Khôn Thổ thọ khắc ứng về bệnh huỳnh thũng và tỳ vị. Lại vì quan tụng, khẩu thiệt, dâm dăng, điên cuồng, bài bạc, hút sách, túu sắc ... mà phải vong gia, bại sản. Sơ niên tuy cũng sanh được hai con nhưng về sau lâu mất hậu tự, phải nuôi nghĩa tử nối dòng tổ tiên.

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiến (Tây Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Kiến (Tây Bắc) tương sanh mà có đủ âm dương và là bếp Diên Niên đẳng diện rất tốt vậy.

Nhưng bếp Kiến (Tây Bắc) khắc chủ Tồn âm Mộc thì phụ nữ đoán thọ.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) tương khắc và là bếp Tuyệt Mạng đại hung. Nhưng bếp Khảm (Chánh Bắc) đối với chủ Tồn tương sanh mà có đủ âm, dương và hồ biến được Sinh Khí Mộc hữu khí, đại cát. Một bên đại hung một bên đại cát bằng nhau, vậy là một cái bếp nửa xấu nửa tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Cửa Khôn (Tây Nam) thì bếp Cấn (Đông Bắc) tỵ hòa và là bếp Sinh khí Mộc thất vị, tốt ít. Nhưng bếp Cấn (Đông Bắc) đối với chủ Tồn tương khắc và hồ biến ra Tuyệt Mạng rất hại, thường khiến có tới ba quá phụ, không con, phụ nữ cầm quyền gia đình.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Chấn (Chánh Đông) là bếp Họa hại và dương Chấn khắc âm Khôn khiến cho với phụ nữ bất lợi. Còn bếp Chấn (Chánh Đông) đối với chủ Tồn tỵ hòa và hồ biến được Diên Niên, nhưng Diên Niên thuộc Kim khắc cả Chấn Tồn (gọi là tinh khắc cung) sự tốt rất yếu.
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Tồn (Đông Nam) phạm Ngũ Quý. Nhà Ngũ quý, bếp cũng Ngũ Quý, lại hai Mộc khắc một Thổ, đã hung lại hung, nam nữ đều yếu. (Trong 8 cái bếp, bếp Tồn (Đông Nam) này hung hại nhiều hơn hết).
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) Hỏa đối với cửa Khôn (Tây Nam) và chủ Tồn đều tương sanh, nhưng với cửa Khôn (Tây Nam) và bếp Lục Sát với chủ Tồn là Thiên Y. Như vậy bếp Ly (Chánh Nam) nửa tốt

Chuyên Đề Mạng Tồn

nửa xấu.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Khôn (Tây Nam) tỷ hòa tác Phục Vị là chỗ tốt qua loa, còn bếp Khôn (Tây Nam) đối với chủ Tồn tương khắc và hồ biến ra Ngũ quý là chỗ hung hại nhiều.

8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) đối với cửa Khôn (Tây Nam) tương sinh và là bếp Thiên y đắc vị là một phúc thần dương thời đủ sức giải cái hại của bếp Đoài (Chánh Tây) đối với chủ Tồn tương khắc và hồ biến ra Lục Sát. Nhưng hiểm vì Đoài Khôn Tồn gặp nhau là tam âm (ba cung thuộc âm), trong nhà toàn là âm khí, nam nữ đều khởi yếu vong (chết sớm).

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Tồn là Ngũ quý trạch, phạm là hung trạch thì bếp nào cũng biến sanh một hung du niên và một cát Du Niên, cho nên sự lợi hại hơn kém chẳng bao nhiêu.

4- CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) LỤC SÁT

(Cửa cái tại Đoài (Chánh Tây), chủ nhà hay sơn chủ tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hồ phùng hạn địa diệc âm dương. Hồ.

Ý nghĩa: Con cọp gặp địa thế hiểm trở cũng âm làm thương tồn. Hồ tức Bạch hồ, cọp trắng, ám chỉ Đoài. Phùng là gặp. Hạn địa là thế đất trở ngại, ám chỉ Tồn bị khắc (Đoài, Kim khắc Tồn, Mộc). Diệc là cũng, theo âm là thuần âm, chỉ vào Đoài với Tồn. Thương là thương tồn, làm tổn hại. Cửa Đoài (Chánh

Tây) gặp chủ Tồn nên thọ khắc như con cọp gặp địa thể ngắn trở.

- Từ cửa Đoài (Chánh Tây) biến 4 lần ra Lục sát cho nên gọi là Lục Sát Trạch. Đoài với Tồn tương khắc, Là tượng hai nữ ở chung mà chẳng thuận ắt sanh sự chẳng phải. Đoài với Tồn thuận âm, tắt âm thịnh mà vượng suy, khiến cho các nam nhân bất lợi. Nhà này khắc chồng, hại con, nhân khẩu và tiền tài đều rơi vào cánh bại tuyệt hay sanh các họa bệnh đau nhức.

Cửa Đoài (Chánh Tây) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) Kim đôi với cửa Đoài (Chánh Tây) tỷ hòa và là bếp bình thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Kiền Kim với chủ Tồn là Kim với Mộc, bình chiều và hổ biến ra Họa hại khiến cho phụ nữ đoán thọ.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) tiết khí cửa Đoài (Chánh Tây) và là bếp Họa Hại, rất bất lợi. Nhưng Khảm với Tồn tương sanh và hổ biến được Sinh Khí hữu khí có thể tương đối với Họa Hại.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc), Thổ đôi với cửa Đoài (Chánh Tây) tương sanh và là bếp Diên Niên đắc vị rất tốt. Nhưng Cấn với Tồn tương khắc và hổ biến ra Tuyệt Mạng khiến bất lợi cho tiểu nhi, góa bụa, tuyệt tự.
- 4) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam), Mộc bị cửa Đoài (Chánh Tây) khắc và là bếp Lục sát, nhưng Tồn với chủ Tồn tỷ hòa Phục Vị đắc diện. Có sanh sự

Chuyên Đề Mạng Tồn

bất hòa nhưng vào khoảng sơ niên phát tài. Đoài, Tồn, Tồn là ba âm ở chung, cưới ba vợ mà chẳng sanh một con.

- 5) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) Mộc bị cửa Đoài (Chánh Tây) khắc và là bếp Tuyệt Mạng khiến cho nam nữ yếu vong. Còn Chấn với chủ Tồn tỷ hòa và hồ biến được Diên Niên là chỗ tốt, nhưng Diên Niên Kim khắc Chấn, Tồn là vô khí, tốt chẳng được bao nhiêu.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) Hỏa khắc cửa Đoài (Chánh Tây) lại phạm Ngũ Quý, đại hung. Tuy kỵ với chủ Tồn tương sanh và hồ biến được Thiên Y nhưng vô khí, sự tốt không đủ bù trừ Ngũ Quý.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam), Thổ đối với cửa Đoài (Chánh Tây) tương sanh và là bếp Thiên y đẳng diện, rất tốt, có thể áp đảo nỗi Ngũ Quý đồ bếp Khôn (Tây Nam) với chủ Tồn hồ biến ra.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) Kim đối với cửa Đoài (Chánh Tây) tỷ hòa và là bếp Phục Vị thất vị, sự tốt ít ỏi. Còn bếp Đoài (Chánh Tây) với chủ Tồn tương khắc và hồ biến ra Lục sát bất lợi.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Tồn Lục Sát trạch. Nhà này thuộc về Đông Tây tương hỗn trạch vì cửa Đoài (Chánh Tây) là Tây Tứ Trạch. Là hỗn loạn trạch thì bếp nào cũng sinh hại du niên, một hung, một cát, không có bếp nào trọn hung hay trọn cát.

5- CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) HỌA HẠI

(Cửa cái tại Kiền (Tây Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Kiền Tồn sản vong, tâm thời thông.

Ý nghĩa: Nhà mở cửa cái tại Kiền (Tây Bắc) và chủ phòng hay sơn chủ đặt tại Tồn thì vì sanh đẻ mà chết, tìm và mong đau nhức.

- Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 5 lần tới chủ Tồn tất sanh Hỏa hai trạch, nhà sanh nhiều họa hoạn, tai hại đến lung tung. Kiền khắc Tồn là dương khắc âm cũng có một thuận lý trong sự khắc, và Mộc gặp Kim là cây được đẽo chuốt thành vật quý. (Bởi Tồn âm Mộc tức Ất và Kiền dương Kim tức Canh. Ất với Canh là Can hợp, là Trắc luận khoa, lấy Kim khí đéo gỗ làm xe). Vì vậy cho nên tuy tương khắc mà ở khoảng giữa sơ niên cũng được tấn tài, hưng danh và vượng nhân đinh. Song sự phát đạt này hay bị gián cách. Nhưng khi ở lâu năm rồi hóa ra suy vi. Tồn là cung bị khắc cho nên phụ nữ tử vong, sanh sản khó khăn. Và cửa khắc chủ là ngoài khắc vào trong, điềm thương bại thân mình, đạo tặc xâm nhập vào nhà, hao tài Tồn của, thừa kiện rồi ren, thật lắm điều bất lợi. Tồn thuộc gan (lá gan) bị Kiền khắc nên thường bị các chứng phong, ghê chốc, da liễu...

Cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đất tại Kiền (Tây Bắc): Cửa với bếp đồng cung Kiền là bếp Phục Vị thất vị. Phục Vị là du niên xu hướng theo, ở trong nhà Hỏa hại tất cũng sanh ra Hỏa hại. Bếp Kiền

Chuyên Đề Mạng Tồn

(Tây Bắc) hồ biến được chủ Tồn cũng sanh Họa hại. Vậy nhà này có tới hai Họa hại, chẳng được lợi ích mà vợ con phải lâm hoạn nạn.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 4 lần tới Khảm cho nên bếp Khảm là bếp Lục sát, nhà Họa hại dùng bếp Lục Sát là thêm sát hại, không thể thịnh vượng được. Tuy vậy nhưng bếp Khảm (Chánh Bắc) Thủy đối với cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Tồn đều tương sanh, lại cùng chủ Tồn hồ biến được Sinh khí hữu khí. Nhờ vậy lúc sơ niên cũng có nhiều tiền của, số người khá đông, nhưng về sau lần lần kém khuyết.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 6 lần tới bếp Cấn (Đông Bắc) thừa Thiên y đẳng diện là một cái bếp rất tốt, khiến cho yên lành và may mắn, nhưng phải chịu quanh hiu con cái. Quanh hiu con cái là vì Cấn với Kiền thuận dương và bếp Cấn (Đông Bắc) hồ biến với chủ Tồn sanh ra Tuyệt Mạng.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Cửa Kiền (Tây Bắc) biến 2 lần tới bếp Chấn (Chánh Đông) thừa Ngũ Quý là một cái bếp đại hung hại. Nhà Họa hại chứa bếp Ngũ quý, dầu chịu ở càng lâu càng lụn bại. Duy có một điểm tốt sơ sài là bếp Chấn (Chánh Đông) hồ biến với chủ Tồn được Diên niên vô khí. (Vô khí cũng như thất vị, bởi Diên Niên Kim khắc cá Chấn Tồn)
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam) cũng như chủ Tồn đồng tác Họa hại và đồng bị Kiền khắc, sanh nhiều tai hại, thường bị bệnh gân cốt, tim, móng và các chứng phong. Phụ nữ chịu ảnh hưởng xấu, thứ nhưt

trường nữ (vì Tồn âm Mộc bị khắc).

- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 7 lần tới bếp Ly (Chánh Nam) thừa Tuyết Mạng, đó là cái bếp sanh tuyết khí. Chủ Tồn âm Mộc sanh bếp Ly (Chánh Nam) âm Hỏa cho nên Ly Hỏa cường thịnh khắc hại Kiền dương Kim. Đó là cái tai họa phụ nữ (Ly) chuyên quyền lấn áp nam nhân (Kiền). Cái bếp này rất hại cho hàng nam nhân gặp nhiều điều đoạn tuyệt mà chẳng sống tới già.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Cửa Kiền (Tây Bắc) biến 3 lần tới bếp Khôn (Tây Nam) thừa Diên niên đắc vị, ấy là một cái bếp khá tốt. Nhưng bếp Khôn (Tây Nam) hồ biến với chủ Tồn sanh ra Ngũ Quý hao khắc lại Diên niên Kim. Vì vậy Diên Niên không giúp cho thịnh lớn, và Khôn thuộc lão âm ứng điềm lão mẫu tàn vong.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa Kiền (Tây Bắc) biến 1 lần tới bếp Đoài (Chánh Tây) thừa sinh khí là một cái bếp tốt. Nhưng sinh khí thất vị (bị Đoài khắc), sanh kế chẳng được dồi dào lắm. Còn bếp Đoài (Chánh Tây) với chủ Tồn tương khắc và hồ biến thành Lục sát là hung Du Niên khiến cho nam nữ đều chẳng trường thọ. Vậy bếp Đoài (Chánh Tây) vừa tác Sinh Khí vừa tác Lục Sát, một lành một dữ, lành cho sanh kế mà dữ cho thọ mạng.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Tồn. Nhà vốn xấu, vậy gặp bếp tốt cũng khá hay nhưng không làm sao cho nhà trở nên thật tốt. Bằng gặp bếp xấu càng xấu hơn.

6-CHÚ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÁM (CHÁNH BẮC) SANH KHÍ

(Cửa cái tại Khám (Chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chú tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy Mộc vinh hoa, phát nữ tú.

Ý nghĩa: Nước cây tươi tốt, phụ nữ tuần tú phát lên. Thủy là nước chỉ vào Khám. Mộc là cây chỉ vào Tồn. Nhà có cửa tại Khám và chủ tại Tồn như nước tưới cây hoa nở tươi tốt, giới phụ nữ đẹp để phát giàu sang, vẻ vang (bởi Tồn thuộc phụ nữ).

- Từ cửa Khám (Chánh Bắc) biến 1 lần tới chủ Tồn được Sinh Khí cho nên gọi là Sinh Khí Trạch. Sinh Khí Mộc lâm Tồn tý hòa đăng diện, đối với Khám là được sanh. Đây là một ngôi nhà thuộc Đông Tứ Trạch đệ nhất phát đạt, không có ngôi nhà nào sánh bằng: sanh 5 con, nam thông minh, nữ tuần tú, con hiếu cháu hiền, điền sản tiền thêm, lục súc hưng vượng, công danh hiển hách, phú quý song toàn, nhân đinh đông đảo ở tới bao lâu cũng vậy. Lại còn một điều rất tốt nữa là cửa Khám sanh chủ Tồn là ngoài sanh vào trong, sự phát đạt tấn tốc (tiến lên rất mau). Nếu ngôi nhà này là Đông Trạch và cửa Khám (Chánh Bắc) là thêm môn bên phải mặt tiền nhà thì nên chọn ngấn 2 làm phòng chứa để được Tham lang đăng diện, nhà sẽ phát đại phú quý, đại quý tới 80 năm hoặc hơn nữa, sẽ sanh xuất bậc cái thể anh hùng làm nên sự nghiệp tột đỉnh.

Cửa Khám (Chánh Bắc) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) Kim đối với cửa Khám (Chánh Bắc) phạm Lục sát. đối với chủ

Tồn phạm Họa Hại, khiến cho hàng trưởng phụ chịu bất lợi, tìm mông đau nhức, vì sanh đẻ mà vong mạng hoặc mang tật.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) Thủy là bếp Phục Vị hiệp với Đông tứ Trạch rất tốt. Lại hai Khảm một Tồn là hai Thủy sanh một Mộc đại đại lợi.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) Thổ đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) và chủ Tồn đều tương khắc biến sinh Ngũ Quý và Tuyệt Mạng là hướng bếp sinh ra lắm tai hại: thừa kiện, khẩu thiệt thị phi, tiểu nhi khó nuôi sống, tuyệt tự, góa bụa, các bệnh chứng phong tật, tỳ vị, tim, miệng, bụng đau nhức.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) Mộc đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) và chủ Tồn đều được tương sanh cùng tỳ hòa, biến sanh Thiên Y với Diên Niên, hiệp với sinh khí trạch thành nhà ba tốt, gồm đủ tam đa ngũ phúc (Tam đa là ba thứ nhiều: nhiều con trai, nhiều lộc và nhiều thọ (sống lâu). Ngũ phúc là 5 phúc: giàu, sang, sống lâu, khỏe mạnh và an lành). Đông tứ trạch có bếp Chấn (Chánh Đông) tốt bậc nhất, đặc danh hồ là Đông trù tứ mạng (Đông Trù gồm 4 bếp Khảm, Ly, Chấn, Tồn, nhưng Chấn mới thiết Chánh Đông).
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam) Mộc đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) và chủ Tồn đều được tương sanh cùng tỳ hòa, biến sanh Thiên Y với Diên niên và Phục Vị Mộc hiệp sinh khí, tất cả cung tính đều thuộc về một phe phía Đông. Thật là một hướng bếp đại cát, đại lợi (như bếp Khảm) (Chánh Bắc).

Chuyên Đề Mạng Tồn

- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) Hỏa đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) là bếp Diên Niên, đối với chủ Tồn là Thiên Y rất tốt: giàu có, danh vọng, sanh 4 con.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) Thổ đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) và chủ Tồn đều bị tương khắc, biến sinh Tuyệt Mạng và Ngũ Quý rất hung hại: nam nữ đều chẳng sống lâu, hàng trung nam tuyệt tự.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) Kim sanh cửa Khảm (Chánh Bắc) có một phần tốt nhỏ cho hàng trung nam, nhưng Đoài khắc cửa chủ Tồn bất lợi cho âm nhân thứ nhứt cho giới trưởng nữ (Tồn). Bếp Đoài (Chánh Tây) đối với Khảm Tồn biến sinh Họa hại và Lục Sát.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Tồn là Đông tứ trạch cho nên 4 bếp Khảm Ly Chấn Tồn là Đông trù đều tốt, còn 4 bếp Kiền Khôn Cấn Đoài là Tây trù đều bất lợi.

7- CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CẤN (ĐÔNG BẮC) TUYỆT MẠNG

(Cửa cái tại Cấn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn ngộ Phong môn: quá mẫu tuyệt.

Ý nghĩa: Sơn là núi chỉ vào Cấn. Ngộ phong môn là gặp cửa gió. Cửa gió chỉ vào Tồn (Tồn vi phong). Quá mẫu tuyệt là mẹ góa tuyệt tự. Cửa Cấn (Đông Bắc) chủ Tồn là nhà mẹ góa

và không con thừa tự.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 7 lần tới chủ Tồn gặp Tuyết Mạng cho nên gọi là Tuyết Mạng Trạch. Cấn thuộc thiếu nam bị Tồn khắc là nhà khó nuôi sống bọn tiểu nhi. Tồn thuộc trưởng nữ thừa Tuyết Mạng là nhà mẹ góa, nuôi con nuôi, tôi tớ chạy trốn. Luận về bệnh: Cấn Thổ thuộc tỳ vị bị Tồn khắc cho nên lá lách và bao tử thọ thương, ăn uống không tiêu, sanh bệnh hoàng đản (da vàng) và phù thũng (sưng da thịt). Lại Tồn thừa Tuyết Mạng và bị Tuyết Mạng khắc sanh bệnh phong.

Cửa Cấn (Đông Bắc) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) tương sanh và là bếp Thiên Y đắc vị rất có lợi cho bọn con trai (Cấn) và hàng ông cha (Kiền). Nhưng bếp Kiền (Tây Bắc) khắc chủ Tồn cho nên hạng trưởng nữ, phụ nữ, vì sanh sản mà chết hoặc bị xảy thai, sinh bệnh đau nhức gân cốt.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) tương khắc và là bếp Ngũ quý hay làm ra tai nạn, bệnh hoạn. Còn bếp Khảm (chánh Bắc) đối với chủ Tồn tương sanh và hổ biến được Sinh khí đắc vị là chỗ tốt, nhưng đó là bếp Ngũ quý chính biến thì cái tốt của sinh khí đâu đủ bù trừ.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Cấn (Đông Bắc) tỳ hòa và là bếp Phục Vị, thất vị sự tốt phớt qua như làn mây mỏng. Còn bếp Cấn (Đông Bắc) đối với chủ Tồn tương khắc và hổ biến ra Tuyết

Mạng, sự hung có phần nặng. Bếp này không tốt.

4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) là bếp Lục Sát hung lại khắc cửa Cấn (Đông Bắc) cho nên tiểu nhi khó nuôi dưỡng và không khỏi tuyệt tự. Bếp Chấn (Chánh Đông) đối với chủ Tồn tỵ hòa và hữu biến Sinh khí hữu khí là chỗ tốt của trưởng nam và trưởng nữ.

5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Tồn (Đông Nam) khắc cửa và là nếp Tuyệt Mạng. Nhà Tuyệt Mạng lại thêm bếp cũng Tuyệt Mạng, tài nào cho khỏi các sự việc bất hạnh: mẹ góa, con mồ côi, nuôi con khác họ... Còn bếp Tồn (Đông Nam) với chủ Tồn hổ biến ra Phục Vị là Du niên tốt qua loa. Sự chênh lệch thấy rõ.

6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Cửa Cấn (Đông Bắc) tiết khí bếp Ly (Chánh Nam) và biến sinh Họa hại. Ly thuộc âm Hỏa khiến cho phụ nữ hung dữ chuyên quyền, kinh mạch chẳng điều hòa, dễ lâu sanh ra cái cảnh núi máu đỏ chảy (huyết sơn băng lậu). Còn bếp Ly (Chánh Nam) đối với chủ Tồn hổ biến Thiên Y vô khí bất quá là một cứu tinh nhu nhược.

7) Bếp đặt tại Kiền (Tây Nam): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khôn (Tây Nam) tỵ hòa và là bếp Sinh Khí thất vị, tốt ít. Còn bếp Khôn (Tây Nam) đối với chủ Tồn tương khắc và hổ biến ra Ngũ Quý là chỗ hung hại nhiều, nam nữ đều bất lợi.

8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Đoài (Chánh Tây) tương sanh và là bếp Diên Niên đăng diện, rất tốt cho hạng thiếu nam và thiếu nữ. Nhưng bếp Đoài (Chánh Tây) khắc chủ Tồn là âm Mộc và biến sinh Lục sát, lại

Diên niên và Tuyệt Mạng đồng thuộc Kim, đồng âm khắc Tồn nửa, cho nên không khỏi cái họa phụ nữ chết yếu (Tồn vi tướng nam).

Kết luận : Tám hướng bếp trên đây thuộc về chủ nhà Mạng Tồn là Tuyệt Mạng trạch. Phạm hung trạch thì bếp nào cũng tạo sinh hai Du Niên: một hung và một cát. Vậy kể luôn chủ nhà thừa Tuyệt Mạng thì ngôi nhà nào cũng gồm 2 hung du niên và 1 cát Du Niên, bói vậy chẳng có bếp nào khiến cho nhà trở nên thật phát đạt được, và cũng không có bếp nào trọn cát hay trọn hung.

8- CHỦ NHÀ MẠNG TỒN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) DIÊN NIÊN

(Cửa cái tại Chấn (Chánh Đông), chủ nhà hay sơn chủ tại Tồn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi phong tương phối, tốc phát phúc.

Ý nghĩa: Sấm Lôi gặp nhau, rất mau phát phúc. Lôi là sấm chỉ vào Chấn, Phong là gió chỉ vào Tồn. Chấn với Tồn gặp nhau biến sinh Diên Niên là cát du niên khiến cho nhà phát phú quý mau lẹ.

- Tứ cửa Chấn (Chánh Đông) biến 3 lần tới chủ Tồn được Diên Niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Chấn dương Mộc gặp Tồn là âm Mộc rất tốt, được gọi là Lương Mộc thành Lâm (rừng). Mộc thịnh gặp Diên Niên Kim là cây quý gặp cưa búa tốt đẽo chuốt thành vật quý giá, chủ sự công danh hiển đạt, sanh 4 con. Ở nhà này khoa giáp đậu liên miên, rất thường là bản cùng mà bỗng nhiên phát đạt lớn, trở nên đại phú quý.

Chuyên Đề Mang Tồn

Cũng gọi là đất bằng nổi lên tiếng sấm, ý nói sang giàu bất ngờ. (Chú ý: chữ luận Diên Niên Kim khắc Chấn Tồn Mộc là bất lợi).

Cửa Chấn (Chánh Đông) với chủ Tồn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) dương Kim là Tây trù, khắc cả cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn, biến sinh được Thiên y với Sinh khí, hiệp với Diên Niên trạch thành nhà ba tốt, đại cát đại lợi.
- 2) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) dương Thổ là Tây trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn đều bị tương khắc và biến sinh Lục Sát với Tuyệt Mệnh: hiểm con thừa tự và rất tán tài.
- 3) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông) dương Mộc là Đông trù, gặp cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn toàn là Mộc hợp lại như rừng cây sầm uất, đại cát, đại lợi.
- 4) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam) âm Mộc là Đông trù, gặp Chấn Tồn toàn là Mộc. Mộc nhiều thì Mộc thịnh, đem vượng khí cho Đông Tứ Trạch, rất tốt như bếp Chấn (Chánh Đông).
- 5) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam) âm Hỏa là Đông trù, gặp Chấn Tồn Mộc được cách Mộc Hỏa thông minh, lại biến Sinh khí với Thiên Y hợp cùng Diên Niên trạch thành nhà ba tốt. Đây là hướng bếp tam nguyên cập đệ, đại cát, tốt bậc nam thông minh nữ tuần tú, người đảng hoàng, nhà cửa đảng hoàng, chấn có chi là chẳng thuận lợi. (Tam nguyên, cập đệ là thi đậu. Giải nguyên, Hội nguyên, Đình nguyên, Tiến sĩ).

Chuyên Đề Mạng Tồn

- 6) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) âm Thổ là Tây trù, đồng bị cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn khắc, rất tai hại cho lão mẫu chẳng thêm dài mạng sống.
- 7) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây) âm Kim là Tây trù, khắc cả cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn, biến sinh Tuyệt Mạng và Lục Sát khiến cho nam nữ yếu thọ.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Tồn Diên niên trạch nhà có cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Tồn thuộc Đông tứ Trạch, vậy nên các Đông trù đều có lợi cho nhà, còn các Tây trù đều bất lợi.

HÔN PHỐI SỞ THUỘC CỦA CHỒNG MẠNG TỒN

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tồn gọi là Đông tứ mạng nên cưới gả nhau. Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền, Đoài gọi Tây tứ mạng nên cưới gả nhau mới được nhiều con nhiều phúc. Nếu tuổi Đông mạng cưới gả với tuổi Tây mạng phải gian khổ về con cái, không hòa thuận, không phát phúc. Như chồng Khâm thuộc Đông mạng, cưới vợ Tồn cũng thuộc Đông mạng được Sanh khí. Có 5 đứa con hòa thuận, giúp chồng lập nên gia thất. Nếu chồng Khâm là Đông mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây mạng, tất phạm Ngũ Quý, tuy con được 2 đứa mà gia đạo không hòa, của tiền bị trộm.

Mạng chồng hiệp mạng vợ được Sanh Khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hiệp với Thiên Y, thuộc cụ môn, được 3 đứa con. Hiệp với Diên niên, thuộc Võ khúc được 4 đứa con. Phạm Ngũ Quý, thuộc Liêm trinh có con 2 đứa. Hiệp Qui hôn, thuộc Bô chúc được nhờ 1 gái thôi. Hiệp Du hôn, thuộc Văn Khúc sau nhờ 1 đứa. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Phá quân chịu cảnh Cô đơn. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Lộc tồn không con, được thọ. Hãy tường tận sự sanh khắc hưu tù hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà, bếp núc đặt để đúng phương hướng, cũng

quyết được sự có con hay không, nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa. Ở chung một nhà có ông bà, cha mẹ, chú bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hợp trách. Em Đông mạng ở phía Đông. Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phước thọ, bằng không hợp thì khó thoát bản yếu. Còn vợ chồng. Ví dụ: Chồng Tây mạng nhà ở Tây tứ Trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao?

Nếu Trụ Bắc phòng: (phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khảm Đông trạch hợp với vợ. Bằng Trụ Nam phòng: Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở Trung gian hoặc gian nhà phía Đông bởi Trung gian là căn giữa thuộc Ly và gian nhà phía Đông thuộc Tồn đều Đông tứ trạch hợp mạng vợ. Hoặc ở phòng phía Đông: Chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hợp mạng chồng, vợ ở Trung gian thuộc Chấn hoặc Nam gian thuộc Tồn đều hợp. Hay là ở phòng phía Tây: thì chồng ở Trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khảm. Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ. Các cung khác cũng vậy.

BÁT SAN TUYỆT MẠNG

Kiên với Ly

Đoài với Chấn

Khôn với Khảm

Cấn với Tồn



ÂM KHẮC DƯƠNG

Chuyên Đề Mạng Tồn

BÁT SAN NGŨ QUÝ

Kiên với Chấn

Tồn với Khôn

Khảm với Cấn

Đoài với Ly

DƯƠNG KHẮC DƯƠNG

ÂM KHẮC ÂM

LỤC THÂN TƯỢNG HÌNH

Kiên với Khảm

Cấn với Chấn

Tồn với Đoài

Khôn với Ly

BÁT SAN HỌA HẠI

Kiên với Tồn

Khảm với Đoài

Cấn với Ly

Khôn với Chấn

Sau đây là bản lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bảng BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 là cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình Bát Quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn

chính giữa của Bát Quái Đồ là cung phi của người chồng, chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bảng hôn phối cát hung của vợ chồng sở thuộc mạng Tốn.

TỐN	
CÁT	HUNG
Tốn - Tốn : Cát	Tốn - Kiền : Hung
Tốn - Khảm : "	Tốn - Cấn : "
Tốn - Chấn : "	Tốn - Khôn : "
Tốn - Ly : "	Tốn - Đoài : "

1. TRAI MẠNG TỐN LẤY GÁI TỐN "Phục Vĩ"
(Tốn vi phong)

*Hai Tốn yêu nhau hóa hại nhau
Gần nhau thì số chịu thương đau
Cửa nhà thiếu hụt con đau bệnh
Gần khó, xa ra mới được giàu*

2. TRAI MẠNG TỐN LẤY GÁI LY "Thiên Y"
(Phong Hỏa giai nhân)

*Tốn Ly phối ngẫu vốn tương hòa
Cưới hỏi ba năm rạng cửa nhà
Con cái học hành đều đỗ đạt
Rạng danh nhờ lập nghiệp phương xa*

Chuyên Đề Mạng Tồn

3. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI KHÔN "Ngũ Quý"
(Phong địa quán)

*Ngũ quý hình thương ám ánh hoài
Rốt rồi Nam Bắc phái chia hai
Nếu còn vương bận giầy con cái
Cũng phái bốn ba đến xứ ngoài*

4. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI ĐOÀI "Lục Sát"
(Phong trạch trung phu)

*Số sao cay đắng cực thân mình
Lục sát tương xung phạm khắc hình
Nhà cửa ruộng vườn tiền của sạch
Cháu con cơ khổ lắm linh đình*

5. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI KIỀN "Họa Hại"
(Phong thiên tiểu súc)

*Tồn Kiềm Thủy Hỏa khó yên thân
Họa hại thường sanh biết mấy lần
Nhà cửa lạnh lùng tiền của hết
Cháu con thôi cũng chịu cơ bần*

6. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI KHÂM "Sinh Khí"
(Phong thủy hoán)

*Sinh khí xa xa thấy dạng rồi
Vợ chồng duyên số tự nơi trời
Cửa nhà rạng rỡ công danh đẹp
Con cháu vinh sang nối nghiệp đời*

7. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI CẦN

"Tuyệt Mạng" (Phong sơn tiệm)

Số ghi Tuyệt Mạng khó nên duyên

Đeo đẳng càng sanh nổi lụy phiền

Buồn khổ lại thêm nhiều hoạn nạn

Cháu con vất vả có đâu yên

8. TRAI MẠNG TỒN LẤY GÁI CHẦN

"Diên Niên" (Phong lời ích)

Phước Đức cũng nhờ ở tổ tông

Tồn Khôn phối hợp đẹp mây rồng

Cửa nhà thịnh vượng cháu con quí

Đại phú do thiên tiểu phú cần

CON NỔI DÒNG CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG TỒN

Bài con nổi dòng sau đây có ý nghĩa như cung tứ tức trong khoa tứ vi, chuyên lý giải về giòng giới như số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn. Hạnh phúc giữa cha mẹ, con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà.

Tương lai tổng quát của các con nói chung, (số phận, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tứ vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sinh rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong Thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như:

Hôn nhân của con cái, nếp sống, tật bệnh, tai họa. Dưới đây là bài nói về con nổi dòng của chủ nhà thuộc mạng: Tồn mạng được chính Bắc là sinh khí, Táo hướng và lai lộ, thì có 5 con trai. Được Khâm phương phân phòng, tu tạo tại Khâm phương cũng cùng vậy. Được Đông là Diên niên phương có 4 trai, được Nam phương, môn, sàng, hương hóa, Táo hướng có 3 trai, nếu là Đông Nam phương thì chỉ có con gái. Phạm vào Cấn phương thì sinh bệnh sang độc, hai con trai thứ 3 tuyệt tự.

Phạm vào phương Đoài con trai sinh bệnh, ma đầu, thương tổn con gái nhỏ, chỉ có 1 trai. Phạm vào phương Khôn sẽ tổn thương con trai trưởng và gái trưởng, có 2 con trai. Phạm vào phương Kiền sẽ tổn thương con trai trưởng trọn đời không con.

TỒN MẠNG

(Phục: Ly Khôn Đoài Kiền Khảm Cấn Chấn Tồn: Thiên Ngũ Lục Họa Sinh Tuyệt Diên.

HÔN NHÂN

Người Tồn mạng nên phối thê Khảm mạng được tốt, Ly, Chấn mạng là thứ cát, cầu hôn, nên an sàng ở phương Chấn để thành, Kiền mạng thê là Họa Hại sẽ bị tự bại yếu vong.

TỬ TỨC

Tồn mạng được Táo khẩu hướng Khảm có 5 trai, hướng Tồn chỉ có con gái thôi. Phạm vào phương Cấn Tồn thương quý nam (con thứ 3) người tiểu bặc (đứa ở nhỏ).

HỌA HẠI

Tồn mạng phạm Cấn phương, trước tổn thương con thứ 3, sau bị bệnh yếu tuyệt. Phạm vào phương Đoài bị vong mạng về quan phi, tổn thương con gái thứ 3 (túc thiếu nữ). Phạm vào phương Kiền thì tổn thương cha già, rồi đến con trưởng nam, nam bặc, con lớn bất hiếu, mẹ, vợ bị bệnh lao chết, chịu nhục nhã vì cha và vợ chửi mắng. Lại có người to đầu, lộ hầu, ở Tây Bắc phương xúi dục kiện cáo, đắc thắng nhưng tổn tài. Phạm vào phương Khôn, thì vợ, mẹ lấy trộm của, mẹ còn tranh đấu, vợ chồng bất hòa, thương tổn cả mẹ, vợ, con cái lớn, con dâu, vú già, bị mất của người ở gái trốn đi và hóa tai.

MỤC LỤC

- Biểu tượng vạn vật sở thuộc cung Tồn	07
- Vận mạng trọn đời của chủ nhà mạng Tồn	13
- Bát quái đồ của chủ nhà mạng Tồn	18
- Phương hướng xây nhà của người mạng Tồn	19
- Chọn phương hướng trở cửa của chủ nhà mạng Tồn	23
- Cửa cái và chỗ đặt bếp lò của chủ nhà mạng Tồn	24
- Hôn phối sở thuộc của chồng mạng Tồn	46
- Con nối dòng của chủ nhà mạng Tồn	52

